

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HS-ST

Ngày: 18- 5- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN- TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Sơn

Ông Mai Xuân Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Hậu - Là Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn

- Đại diện Viện KI sát nhân dân quận Ngũ Hành S tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG T. Sinh năm: 1990, tại Đà Nẵng.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 32, phường Vĩnh T1, quận Thanh K, TP. Đà Nẵng;

Trú tại: Tổ 64, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng;

Chỗ ở: K12 đường Trường S, tổ 31 phường Hòa Thọ T2, quận Cẩm L, TP. Đà Nẵng;

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Không rõ và bà Nguyễn Thị N (C);

Tên chồng Võ N2 B có 04 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang tại ngoại- Có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN HỮU N1. Tên gọi khác (Cu Đực)- Sinh năm: 1991, tại Đà Nẵng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 20, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng;

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Hữu T3 và bà Huỳnh Thị T4;

Bản thân chưa có vợ con;

Tiền án: 03 tiền án;

- Năm 2013, bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự số 13 ngày 24/3/2013 (chấp hành xong hình phạt chính năm 2013 và án phí HSST, DSST ngày 11.9.2014; chưa chấp hành nghĩa vụ bồi thường dân sự cho bị hại số tiền 266.700 đồng;

- Năm 2015, bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự số 05 ngày 11/02/2015 (đã chấp hành xong bản án;

- Năm 2015, bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự số 12 ngày 21/5/2015 với tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần, tái phạm (điểm g Khoản 1 Điều 48 BLHS; tổng hợp hình phạt với bản án số 05/11.2.2015 tổng hình phạt Nhĩ phải chấp hành 33 tháng tù chấp hành xong hình phạt chính ra trại năm 2017; chấp hành xong án phí HSST và DSST; chưa chấp hành phần nghĩa vụ bồi thường dân sự cho bị hại số tiền 8.640.000 đồng);

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 16/10/2021- Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Hồ Thị Kim A. Sinh năm: 1976

Trú tại: K158 đường Nguyễn Duy T5, tổ 64, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt;

2. Ông Đinh Kim C. Sinh năm: 1984

Trú tại: Số 173 đường Nguyễn Duy T5, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt;

3. Bà Nguyễn Thị Thu H1. Sinh năm: 1988

Trú tại: Phòng 201 Chung cư số 48, đường Lê Đình D, phường Phước N1, quận Hải C1, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt;

4. Bà Huỳnh Thị D1. Sinh năm: 1983

Trú tại: Tổ 26, phường Hòa Q, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Hồng P. Sinh năm: 1978

Trú tại: Tổ 08, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt;

2. Ông Lê Hữu T6. Sinh năm: 1996

Trú tại: Tổ 03 khu phố Giang T7, phường Điện N2, thị xã Điện B1, tỉnh Quảng Nam- Vắng mặt;

3. Ông Đinh Văn M. Sinh năm: 1968

Trú tại: Số 78 Ông Thúc T8, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt;

4. Ông Huỳnh Văn C1. Sinh năm: 1969

Trú tại: Tổ 54, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt;

5. Ông Ngô Đình Minh H2. Sinh năm: 1995

Trú tại: Tổ 04 T10 K1, xã Hòa P1, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt;

6. Bà Huỳnh Thị L1. Sinh năm: 1971

Trú tại: 48/24 đường Phan Châu T5, quận Hải C1, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt;

7. Ông Nguyễn Ngọc B2. Sinh năm: 1971

Trú tại: 36/30 đường Lý Thái T9, phường Thanh Khê T2, quận Thanh K, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt;

8. Ông Dương Quốc H3. Sinh năm: 1987

Trú tại: Tổ 01, phường Mân T9, quận Sơn T10, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phương T sinh sống với chồng là Võ Ngọc B tại tổ 64 phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng (nhà mẹ chồng của T). Sau khi B đi cai nghiện tại Trung tâm xã hội Bàu Bàng, TP. Đà Nẵng thì gia đình chồng không cho T ở tại căn nhà

trên và giao nhà cho ông Đinh Kim C để trông coi. Sau đó, T có quan hệ tình cảm với Nguyễn Hữu N1 và sinh sống với nhau như vợ chồng, cả hai thuê nhà ở nhiều nơi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và cùng N1 thực hiện các vụ trộm cắp trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn và quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ 35 phút ngày 08/4/2021, T đi nhậu cùng N1 và Dũng (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Khi đi ngang qua địa chỉ K158 đường Nguyễn Duy Trinh, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, T nói với N1 và Dũng đợi T vào nhà bà Hồ Thị Kim A là dì của T để xin tiền đồ xăng và mua sữa cho con của T. Lúc này, N1, Dũng đứng ở ngoài, T đi bộ vào nhà bà Kim A. Thấy có xe máy của bà A nhưng không có ai ở nhà, T biết bà A hay bỏ tiền trong túi xách rồi để trong bao nylon nên T tiến đến gần xe máy, lục trong bao nylon có túi xách và mở lấy tiền rồi bỏ đi. Sau đó, T cùng N1, Dũng đến quán nhậu Mực Đồng trên đường Phan Tứ, quận Ngũ Hành Sơn để nhậu. Tại đây, T đi vào nhà vệ sinh đếm số tiền vừa trộm được là 24.000.000 đồng. Tiếp đó, Dũng về trước, T và N1 tiếp tục ngồi nhậu. Lúc này, T lấy 1.000.000 đồng (trong số tiền lấy trộm của bà A) trả tiền nhậu và đưa 16.000.000 đồng cho N1, nói đây là tiền mới hốt biếu nên đưa N1 giữ dùm vì sợ mất; số tiền còn lại T tự cất giữ. Sau đó, cả hai ra thuê nhà nghỉ ở quận Sơn Trà ngủ.

Sáng ngày 09/4/2021, N1 hỏi T về nguồn gốc số tiền T đưa thì T thừa nhận số tiền trên do T trộm của bà Kim A. Lúc này, N1 nói T đem số tiền trên trả lại cho bà Kim A thì T cầm số tiền trên đi ra ngoài mà không trả lại cho bà Kim A. Một lúc sau, T quay lại nhà nghỉ và nói với N1 sợ mình bị bắt nên rủ N1 bỏ trốn. N1 nghĩ T chưa trả lại tiền cho bà Kim A nên sợ bị bắt và đồng ý bỏ trốn cùng T. Tiếp đó, T cùng N1 đi Quảng Nam, Quảng Trị rồi về lại Đà Nẵng. Trong quá trình bỏ trốn, T đã dùng số tiền trộm cắp được để tiêu xài cá nhân, chi phí đi lại, ăn uống, thuê khách sạn. Sau khi cả hai tiêu hết tiền thì về lại Đà Nẵng.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà Hồ Thị Kim A đã đến Công an phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng trình báo sự việc và giao nộp: 01 đĩa DVD chứa hình ảnh vào 19 giờ 38 phút ngày 08/4/2021 ghi nhận 01 đối tượng nữ mặc quần jean đùi, áo vàng vào nhà bà A lục túi xách treo trên xe máy.

Vụ thứ hai: Ngày 02/6/2021, T và N1 đang ở phòng thuê trọ số 32 đường Lữ Giang, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng thì T nhờ N1 chở xuống nhà mẹ chồng tại tổ 64 phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng để lấy đồ cá nhân. Tại đây, T thấy có bộ cửa sắt để trong hiên nhà không biết của ai nên T nảy sinh ý định lấy trộm bộ cửa sắt đem bán lấy tiền để trả tiền thuê phòng trọ và tiêu xài cá nhân. T bàn với N1 tìm nơi để bán bộ cửa sắt, N1 đồng ý. Khi đến tiệm phế liệu trên đường Lê Văn Hiến và Lương Thúc Kỳ của ông Phạm Hồng P, N1 vào hỏi ông P có mua cửa sắt không thì ông P đồng ý mua và hỏi địa chỉ, lấy số điện thoại N1 để xuống nhà mua. Khoảng 30 phút sau, ông P đến đường Nguyễn Duy Trinh gặp N1 và T dẫn vào nhà xem bộ cửa sắt. Sau khi xem xong thì ông P đồng ý mua 01 bộ cửa sắt (loại 06 cánh), 04 khung cửa sổ sắt màu xanh với giá 3.500.000 đồng và gọi xe tải đến chở bộ cửa sắt về tiệm. Số

tiền bán bộ cửa sắt N1 và T đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi mua bộ cửa sắt trên, ông P đã sơn lại màu nâu và đã bán 01 cánh cửa sắt cho khách (không rõ lai lịch).

Tang vật thu giữ của Phạm Hồng P: 04 khung cửa sổ bằng sắt; 05 cánh cửa chính bằng sắt.

* Theo kết luận giám định tài sản số 52/21.6.2021 của HĐĐGTS trong TTHS của UBND quận Ngũ Hành Sơn: 01 bộ cửa sắt gồm 06 cánh cửa chính trị giá 7.200.000 đồng; 04 khung cửa sổ sắt trị giá 2.314.000 đồng. Tổng giá trị tài sản: 9.514.000 đồng.

Vụ thứ 3: Đến ngày 03/6/2021, T nảy sinh việc lấy trộm cây mai để tại nhà mẹ chồng bán lấy tiền tiêu xài. T bàn với N1 kiếm người mua cây mai thì N1 đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày, N1 liên hệ với ông Lê Hữu T1 hỏi có mua mai không thì ông T1 đồng ý. Tiếp đó, N1 liên hệ với ông Đinh Văn M làm nghề lái xe Grab đến số nhà 32 Lữ Giang, quận Cẩm Lệ chờ N1 đi có việc. Trên đường đi, N1 có nói với ông M có 01 cây mai của nhà vợ N1 và nhờ M kiếm người chở cây mai vào Điện Bàn bán thì M đồng ý. M liên hệ với Huỳnh Văn C1 làm nghề xe thô chở giúp cây mai đi bán thì ông C1 đồng ý. Tại nhà của mẹ chồng T thuộc tổ 64 phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, N1 cùng ông C1 vào khiêng 01 cây mai (được trồng trong 01 chậu lục giác; cao 1,7m) lên xe ông C1 để chở đi. Khi N1 cùng ông M, ông C1 chở cây mai đến nhà ông T1, N1 nói với ông T1 cây mai của nhà vợ N1 thì ông T1 đồng ý mua với giá 4.000.000 đồng. Nhưng do không đủ tiền nên ông T1 hẹn N1 hôm sau sẽ trả tiền thì N1 đồng ý.

Đến khoảng 17h30' cùng ngày, ông Đinh Kim C đến nhà thuộc tổ 64 phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng để tưới cây thì phát hiện bị mất 01 cây mai và 01 bộ cửa sắt của mình nên trình báo Công an phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Qua truy xét, Công an phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn phát hiện T, N1 và mời về làm việc.

Tang vật thu giữ của: Lê Hữu T1; 01 cây mai trồng trong chậu lục giác.

* Theo kết luận giám định tài sản số 52/21.6.2021 của HĐĐGTS trong TTHS của UBND quận Ngũ Hành Sơn: 01 cây mai trồng trong chậu lục giác, cao 1,7m trị giá 6.000.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 13 giờ ngày 05/7/2021, T và N1 đang ngồi nhậu cùng bạn tại khu vực công viên Đức mẹ sao biên, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. T nhờ N1 chở sang quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. N1 ngầm hiểu là cả hai cùng nhau đi trộm cắp nên mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ trắng BKS 43K1-298.11 của ông Ngô Đình Minh H2 chở T đi. Khi đến chung cư số 48 đường Lê Đình Dương, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, T nói N1 dừng lại còn T đi vào chung cư, lên tầng 02 ngang qua phòng số 201 của bà Nguyễn Thị Thu H1 thì thấy 01 xe đạp địa hình (màu xám, không nhãn hiệu) của bà H1 để phía trước,

không ai trông coi nên T đã lấy trộm và dắt xuống sân chung cư gặp N1 và nói N1 đi theo. T đạp xe đi phía trước, N1 chạy xe máy phía sau. Khi đến số nhà 40 Đoàn Thị Điểm phường Hải Châu 2, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, N1 hỏi T về nguồn gốc xe trên thì T thừa nhận là xe do T vừa trộm cắp được. Cả hai cùng bán xe đạp trên cho bà Huỳnh Thị L1 được 600.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bà Nguyễn Thị Thu H1 phát hiện mất tài sản đã đến Công an phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng để trình báo sự việc.

* Tang vật thu giữ của:

- Huỳnh Thị L1: 01 xe đạp thể thao địa hình;
- Ngô Đình Phi: 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu đỏ trắng, biển kiểm soát 43K1-298.11;
- Nguyễn Thị Thu H1 giao nộp 01 đoạn DVD do ghi nhận khu vực đường ra vào Chung cư 48 đường Lê Đình Dương, vào lúc 13 giờ 27 phút ngày 05/7/2021 ghi nhận hình ảnh 01 đối tượng nữ điều khiển 01 xe đạp địa hình đi trước và 01 đối tượng nam điều khiển xe mô tô BKS 43K1-298.11 theo sau rời khỏi khu chung cư.

* Theo kết luận định giá số 105/27.7.2021 của HĐĐGTS trong TTHS của UBND quận Hải Châu: 01 xe đạp địa hình trị giá 2.450.000 đồng.

Ngày 20/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng để giải quyết theo thẩm quyền.

Vụ thứ 5: Ngày 29/9/2021, N1 và T có thuê 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SCR (đã thay đổi tem xe thành Lead) màu nâu, biển kiểm soát 43D1-601.59 của ông Nguyễn Ngọc B2 tại khách sạn Sông Công địa chỉ 305 Nguyễn Văn Thoại với mục đích làm phương tiện đi lại. Khoảng 13 giờ cùng ngày, N1 điều khiển xe trên đi kiểm phòng trọ để thuê, khi đi ngang qua nhà số 242 đường Mai Đăng Chơn, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng thì phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Atila màu trắng, biển kiểm soát 43H1-001.18 của bà Huỳnh Thị D1 để trước nhà, chìa khóa vẫn cắm trong ổ khóa, không ai trông coi. T, N1 nảy sinh ý định trộm cắp nên T nói N1 quay xe lại, N1 đứng ngoài cảnh giới còn T xuống xe đi bộ vào dắt xe Atila biển kiểm soát 43D1-60159 ra đường khởi động máy, điều khiển bỏ đi.

Tiếp đó, N1 điều khiển xe Lead, T điều khiển xe Atila vừa trộm được đi đến nhà Dương Quốc H3. Tại đây, T để xe tại nhà H3, sau đó N1 và T đi ra quán cafe trước nhà H3. Tại quán cafe N1, T gặp H3 và Lê Thị Thúy Vy ngồi nói chuyện. Một lúc sau, cả 04 quay về nhà H3. Lúc này T và Vy đi lên lầu 2, còn N1 và H3 đứng nói chuyện với nhau và thương lượng về việc mua, bán xe thống nhất giá bán là 1.000.000 đồng. H3 đưa tiền cho N1 và N1 gọi T xuống để đi về. Lúc này N1 đưa lại tiền cho T và nói tiền H3 trả mua xe. Số tiền này, cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ngày 04/10/2021 bà Huỳnh Thị D1 đến Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng trình báo sự việc.

Ngày 05/10/2021, bà Lê Thị Thúy Vy tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô hiệu Attila màu trắng, biển kiểm soát 43H1-001.18 và khai nhận xe trên do T, N1 có đến chơi cùng với H3 và gửi xe lại. Vy không biết việc T, N1 gửi xe cho H3 do thời điểm đó không có ở nhà chỉ nghe H3 nói lại. Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra đến làm việc liên quan đến xe trên và thông báo xe trộm cắp thì Vy đem xe lên giao nộp.

* Tang vật thu giữ của:

- Lê Thị Thúy Vy: 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, màu trắng, biển kiểm soát 43H1-001.18;

- Nguyễn Ngọc B2: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SCR (đã thay đổi tem xe thành Lead), màu nâu, biển kiểm soát 43D1-601.59;

- Bà Đỗ Thị Minh H2: 01 đĩa DVD trích xuất từ camera tại trước nhà số 242 đường Mai Đăng Chơn, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng vào thời gian 13 giờ 27 phút ngày 29/9/2021, ghi nhận sự việc N1, T trộm cắp.

* Theo kết luận định giá số 70 ngày 14/10/2021 của Hội đồng ĐGTS trong tổng tụng hình sự UBND quận Ngũ Hành Sơn kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Attila, màu trắng, biển kiểm soát 43H1-001.18 giá trị 3.500.000 đồng.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKS-NHS ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phương T về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Hữu N1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm đ khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Phương T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Hữu N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T mức hình phạt từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 55 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N1 mức hình phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và mức hình phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra bà Hồ Thị Kim A yêu cầu Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Hữu N1 khắc phục H3 quả số tiền lấy trộm 24.000.000 đồng;

Ông Đinh Kim C, bà Nguyễn Thị Thu H1, Huỳnh Thị D1 sau khi nhận tại tài sản, ông C, bà H1 và bà D1 không có yêu cầu gì về dân sự nên không đề cập đến.

Bà Huỳnh Thị L1, ông Nguyễn N2 B2, Ngô Đình Minh H2 (người cho thuê xe, mua xe đạp) không có yêu cầu gì về dân sự đối với Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Hữu N1 nên không đề cập đến.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu là có căn cứ, cụ thể:

- Bà Lê Thị Thu H1: 01 xe đạp địa hình thể thao;

- Ông Ngô Đình Phi: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đỏ trắng, biển kiểm soát 43K1-298.11.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu là có căn cứ, cụ thể:

- Ông Đinh Kim C: 05 cánh cửa chính bằng sắt; 04 khung cửa sổ bằng sắt.

- Bà Huỳnh Thị D: 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Atila màu trắng, biển kiểm soát 43H1-001.18;

- Ông Nguyễn N2 B2: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SCR (đã thay đổi tem xe thành Lead) màu nâu, biển kiểm soát 43D1-601.59;

Đề nghị lưu giữ cùng hồ sơ đối với 03 đĩa DVD có chứa video lưu giữ hình ảnh camera thu giữ tại hiện trường ghi nhận việc Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Hữu N1 thực hiện hành vi phạm tội vào các ngày 08/4/2021 tại tổ 64 phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng; ngày 05/7/2021 tại chung cư số 48 đường Lê Đình Dương, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng và ngày 29/9/2021 tại trước nhà số 242 đường Mai Đăng Chơn, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Trong khoảng thời gian từ ngày 02/6/2021 đến ngày 29/9/2021 trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn và quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Nguyễn Thị Phương T cùng Nguyễn Hữu N1 đã lén lút thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể của: ông Đinh Minh C 01 bộ cửa sắt, loại 06 cánh), 04 khung cửa sổ sắt trị giá 9.514.000 đồng; 01 cây mai trong chậu lục giác trị giá 6.000.000 đồng (tổng giá trị tài sản 15.514.000 đồng); bà Nguyễn Thị Thu H1 01 xe đạp loại địa hình giá trị 2.450.000 đồng; bà Huỳnh Thị D 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila màu trắng, BKS 43H1-001.18, trị giá 3.500.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng 19 giờ 30 phút ngày 08/4/2021 tại tổ 64 phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, Nguyễn Thị Phương T lợi dụng sơ hở đã lấy trộm của bà Hồ Thị Kim A số tiền 24.000.000 đồng. Nguyễn Hữu N1 biết rõ nguồn gốc số tiền trên do T trộm cắp có được nhưng vẫn đồng ý cùng T tiêu xài hết số tiền trên trong quá trình cả hai cùng bỏ trốn khỏi thành phố Đà Nẵng.

[3] Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thị Phương T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Hữu N1 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 và điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự, như cáo trạng số 17/CT-VKS-NHS ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Hữu N1 thì thấy: Các bị cáo tham gia có tính chất đồng phạm nhưng không có sự tổ chức, cấu kết, không có sự bàn bạc cụ thể mà chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Lẽ ra các bị cáo phải lao động, tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành Công dân có ích cho xã hội, nhưng các bị cáo lười lao động, coi thường pháp luật, chỉ muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn mục đích cá nhân bằng đồng tiền lao động của người khác, các bị cáo phạm tội rất liều lĩnh, lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của những người bị hại nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ, bị cáo Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Hữu N1 phạm vào khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại về tài sản cho người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Tài sản Nguyễn Thị Phương T chiếm đoạt tổng giá trị tài sản là 45.464.000 đồng, Nguyễn Hữu N1 chiếm đoạt tổng giá trị tài sản 21.464.000 đồng.

Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Hữu N1 do tham lam, tư lợi, mặc dù bị cáo biết rõ nguồn gốc số tiền trên do T trộm cắp có được nhưng vẫn đồng ý cùng T tiêu xài hết số tiền trên trong quá trình cả hai cùng bỏ trốn khỏi thành phố Đà Nẵng, bị cáo đã trực tiếp xâm hại an toàn công cộng, trật tự công cộng. Vì vậy, Hội đồng xét xử

xét thấy cần xử phạt đối với các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Xét hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Đối với Nguyễn Thị Phương T là bị cáo có vai trò chính đã trực tiếp khởi xướng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản, với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 45.464.000 đồng, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Do đó, bị cáo T phạm tội với tính chất chuyên nghiệp là tình tiết định khung được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo T nghiêm minh, xét cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe các đối tượng khác có hành vi tương tự.

Song trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu N1 trong vụ án cũng đóng vai trò tích cực khi tham gia cùng Nguyễn Thị Phương T thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, với tổng giá trị tài sản 21.464.000 đồng; đồng thời bị cáo N1 có hành vi tiêu thụ tài sản với số tiền 24.000.000 đồng do T trộm cắp được. Bản thân bị cáo có 03 tiền án; năm 2013, bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2015, bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2015, bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Mặc dù chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của Nguyễn Hữu N1 thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 và điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra, xử cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo N1 đã thành khẩn khai báo, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 55 Bộ luật hình sự, để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một mức án khi lượng hình.

Đối với ông Ngô Đình Phi, ông Ngô Đình Minh H2, ông Nguyễn Ngọc B2 (chủ các phương tiện N1 mượn, thuê), ông Đinh Văn M (lái xe grab), Huỳnh Văn C1 (xe thô chở cây mai) không biết việc T, N1 sử dụng các phương tiện do mình làm chủ sở hữu để phạm tội, không biết, không tham gia cùng T, N1 thực hiện hành vi phạm tội.

Ông Phạm Hồng P1, ông Lê Hữu T1 và bà Huỳnh Thị L1 không biết các tài sản mua lại của N1, T do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng không đề cập đến.

Quá trình điều tra, N1 và T khai nhận vào khoảng tháng 9/2021, Dương Quốc H3 có nhờ N1 tìm dùm 01 xe mô tô không có giấy tờ bán cho H3 thì N1 đồng ý và có kể lại sự việc trên cho T nghe. Đến ngày 29/9/2021, sau khi cả hai trộm được 01 xe mô tô hiệu Attila nêu trên thì N1 điện thoại cho H3 nói đã có xe thì H3 hẹn N1 đến nhà của mình tại đường Lê Bôi, phường Mân T9, quận Sơn T10, TP. Đà Nẵng để mua bán xe. Dương Quốc H3 không thừa nhận việc nhờ N1 tìm xe không giấy tờ để mua; xe mô tô nhãn hiệu SYM Atila, màu trắng, biển K1 số 43H1- 001.18 do N1, T đã gửi Vy và H3 cất giữ hộ ngày 29/9/2021 nhưng do không thấy N1 và T quay lại lấy xe nên Vy đem xe trên lên giao nộp cho cơ quan công an. Quá trình điều tra, Lê Thị Thúy Vy không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu làm gì. Do hết thời hạn điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tách, thụ lý nguồn tin tiếp tục điều tra, xử lý đối với hành vi của Dương Quốc H3 và Lê Thị Thúy Vy đối với hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[4] **Xét về trách nhiệm dân sự:** Sau khi vụ án xảy ra bà Hồ Thị Kim A yêu cầu Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Hữu N1 khắc phục hậu quả số tiền lấy trộm 24.000.000 đồng. Xét cần buộc các bị cáo Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Hữu N1 liên đới bồi thường cho bà A là phù hợp.

Ông Đinh Kim C, bà Nguyễn Thị Thu H1, Huỳnh Thị D1 sau khi nhận tại tài sản, ông C, bà H1 và bà D1 không có yêu cầu gì về dân sự nên không đề cập đến.

Bà Huỳnh Thị L1, ông Nguyễn Ngọc B2, Ngô Đình Minh H2 (người cho thuê xe, mua xe đạp) không có yêu cầu gì về dân sự đối với Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Hữu N1 nên không đề cập đến.

[5] **Xét về vật chứng:** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu là có căn cứ nên không đề cập đến, cụ thể:

- Bà Lê Thị Thu H1: 01 xe đạp địa hình thể thao;
- Ông Ngô Đình Phi: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đỏ trắng, biển kiểm soát 43K1-298.11.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu là có căn cứ nên không đề cập đến, cụ thể:

- Ông Đinh Kim C: 05 cánh cửa chính bằng sắt; 04 khung cửa sổ bằng sắt.
- Bà Huỳnh Thị D1: 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Atila màu trắng, biển kiểm soát 43H1-001.18;
- Ông Nguyễn Ngọc B2: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SCR (đã thay đổi tem xe thành Lead) màu nâu, biển kiểm soát 43D1-601.59;

Đối với 03 đĩa DVD có chứa video lưu giữ hình ảnh camera thu giữ tại hiện

trường ghi nhận việc Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Hữu N1 thực hiện hành vi phạm tội vào các ngày 08/4/2021 tại tổ 64 phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng; ngày 05/7/2021 tại chung cư số 48 đường Lê Đình Dương, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng và ngày 29/9/2021 tại trước nhà số 242 đường Mai Đăng Chon, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng là vật chứng của vụ án, hiện đang lưu theo hồ sơ vụ án nên không đề cập đến.

[6] Hội đồng xét xử xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương T.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu N1.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Phương T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Hữu N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Phương T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu N1 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội bị cáo Nguyễn Hữu N1 phải chấp hành là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày ngày 16/10/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Hữu N1 phải liên đới bồi thường cho bà Hồ Thị Kim A số tiền 24.000.000 đồng. Chia phần cụ thể: Nguyễn Thị Phương T 12.000.000 đồng; Nguyễn Hữu N1 12.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện N1 vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, N1 vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 18/5/2022.

Riêng bị hại, người có quyền lợi, N1 vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận NHS;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Công an quận NHS;
- Nhà tạm giữ Công an Q.Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận NHS;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm